

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Hoa Sen

Ngày 31/12/2025	15,750 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.5%	-	-

DT thuần Q4/25
8,383
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.0 0.3%
YoY: ▼1,839 -18.0%

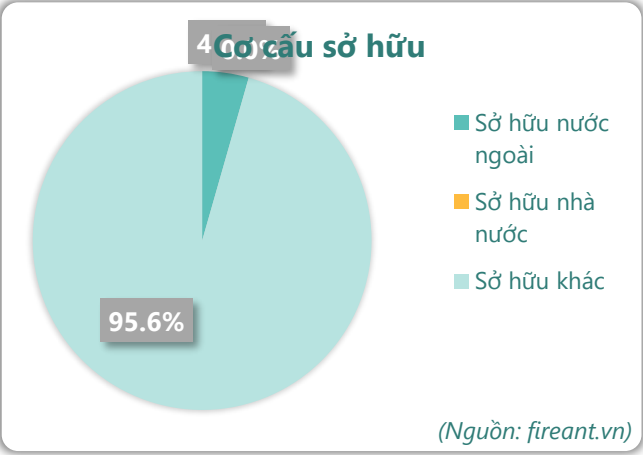
LN thuần Q4/25
81.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.2 -15.8%
YoY: ▼101 -55.4%

LN sau thuế Q4/25
62.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.8 -29.3%
YoY: ▼104 -62.4%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
2.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE 2025
5.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

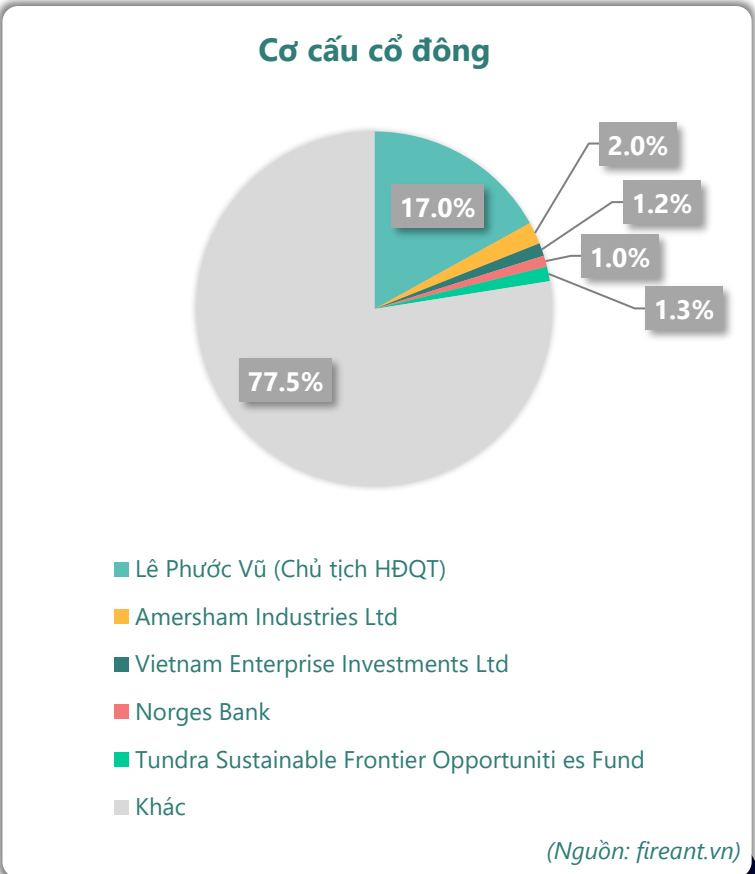
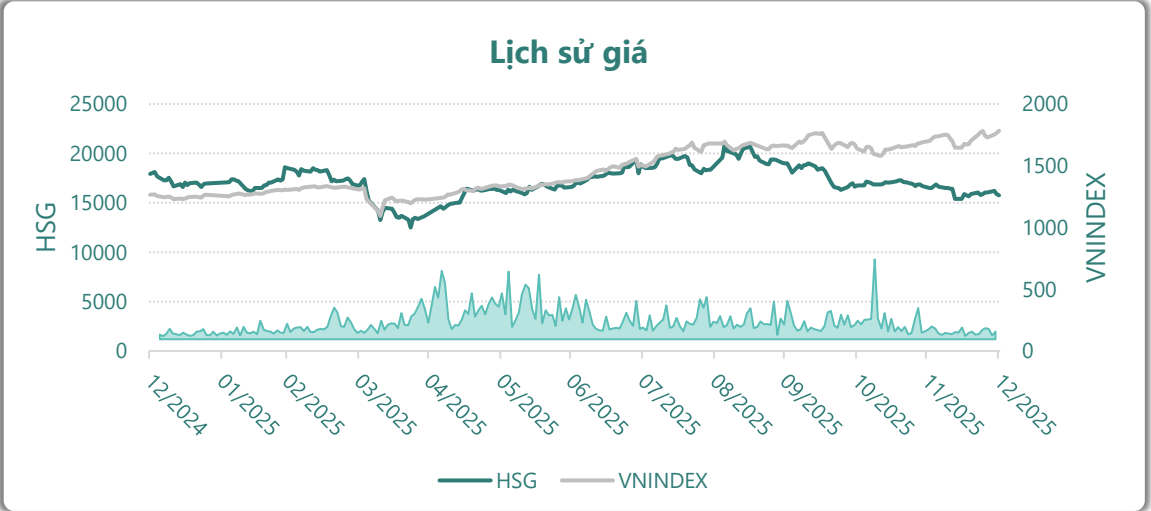
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,500 - 20,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,780
Số lượng CPLH (CP)	620,982,309
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,422,080
Sở hữu nước ngoài	4.4%
Beta	0.85
EPS	1,018
P/E	15.5



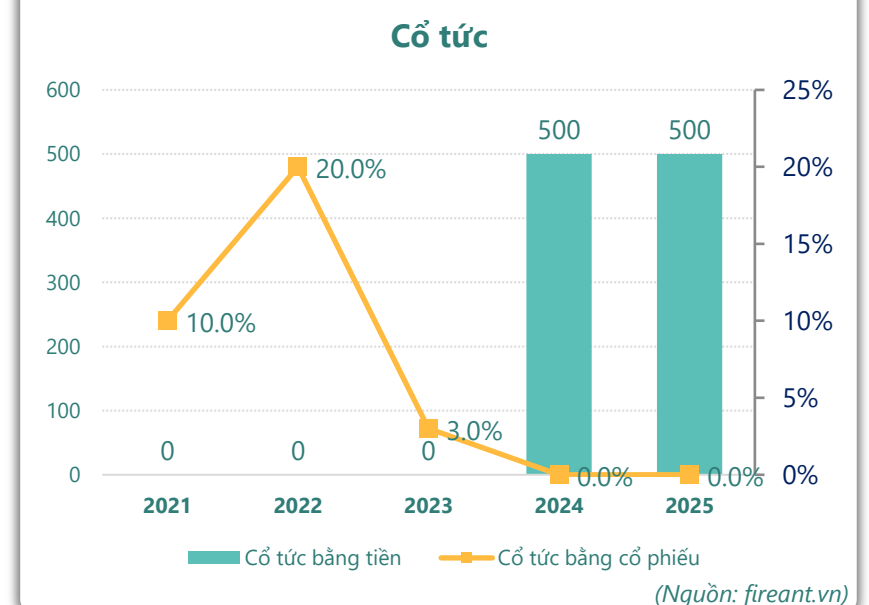
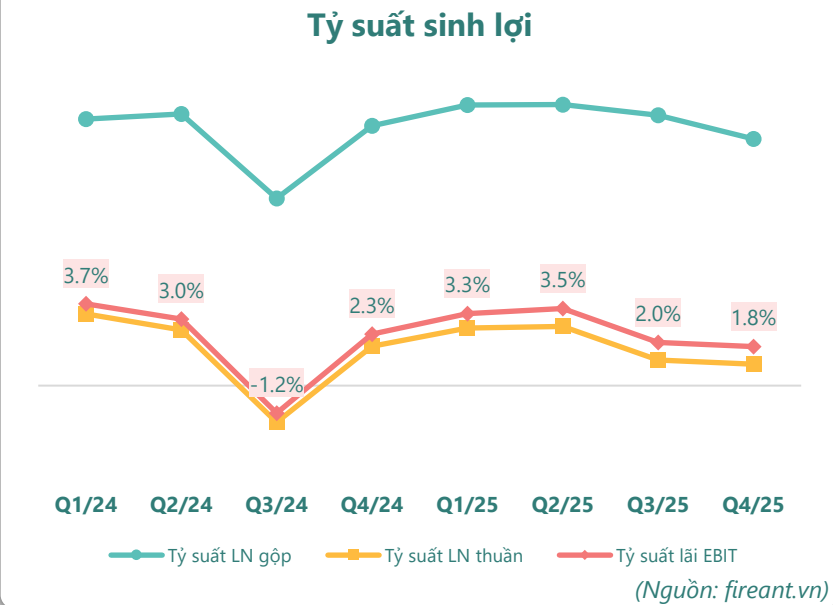
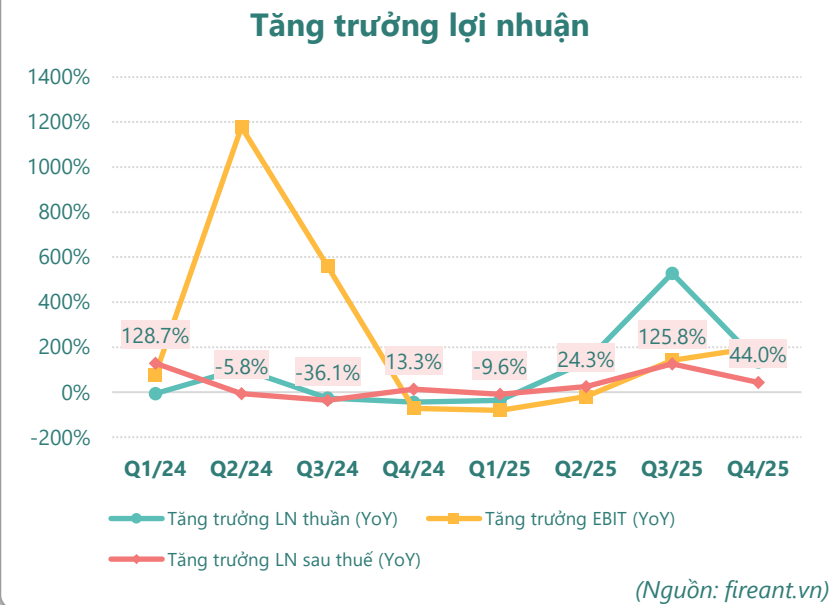
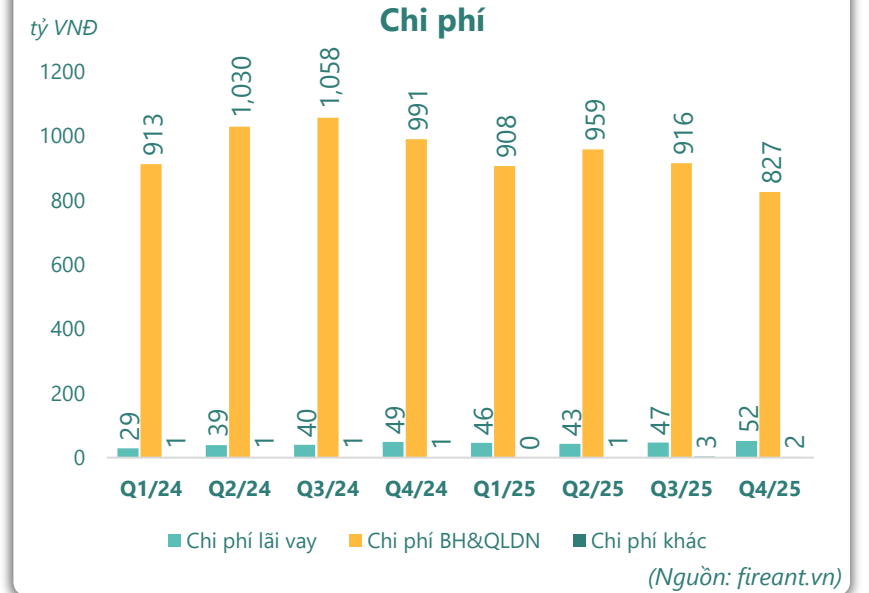
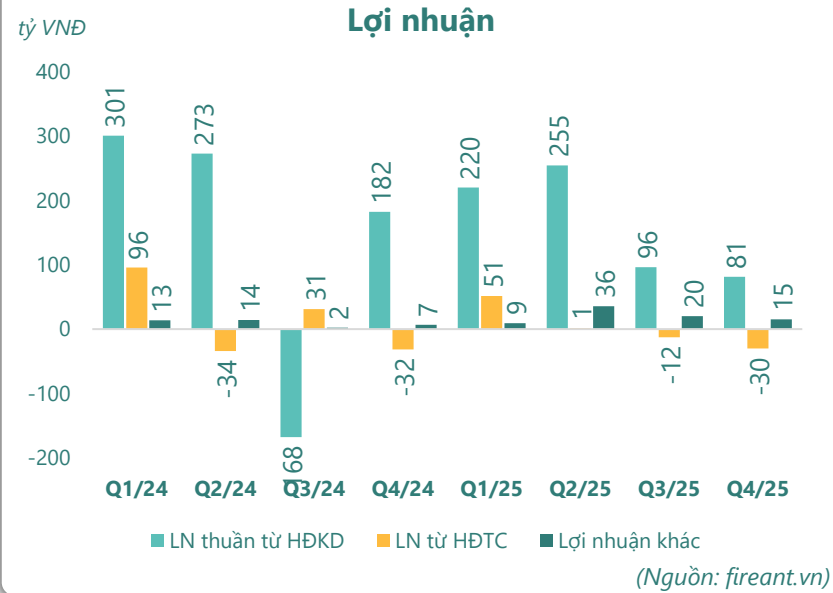
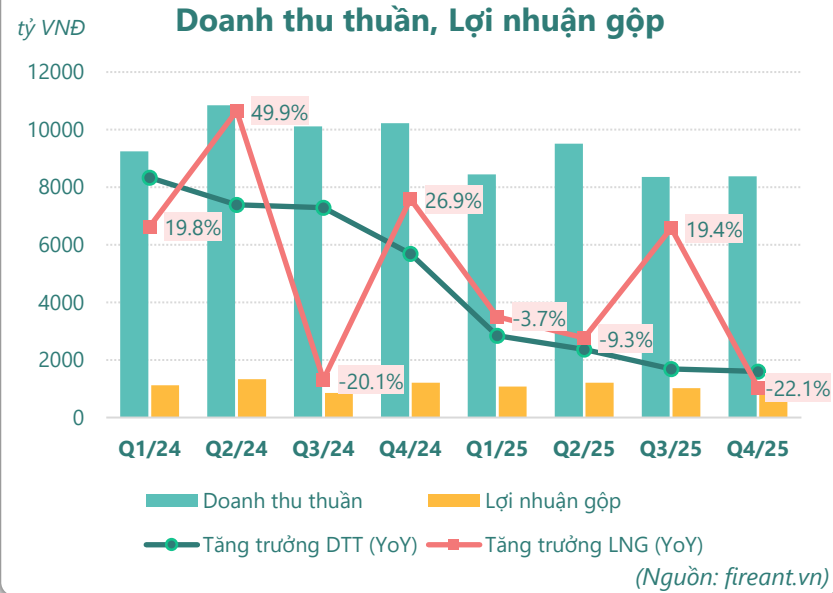
DT thuần 2025
34,699
tỷ VNĐ
YoY: ▼5,721 -14.2%

LN thuần 2025
653
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 65.0 11.0%

LN sau thuế 2025
632
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0 9.5%



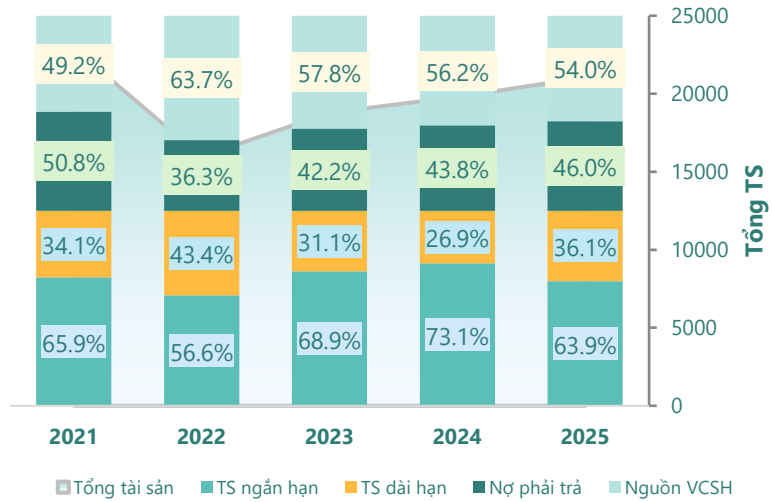
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

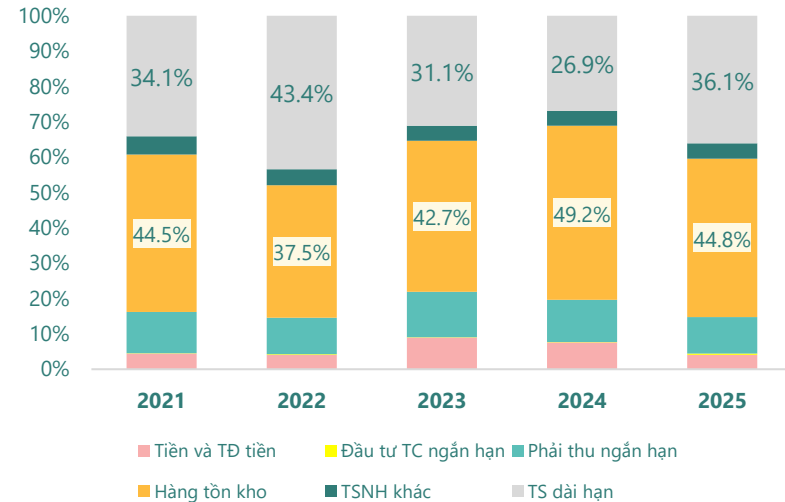
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

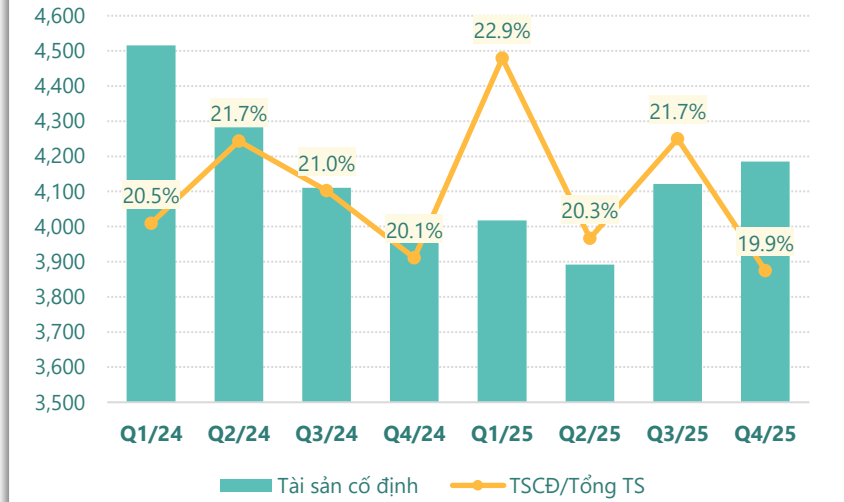
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

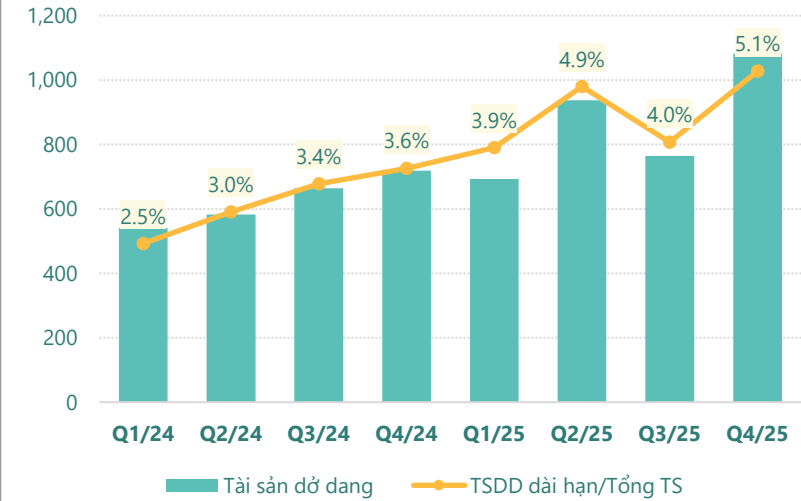
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

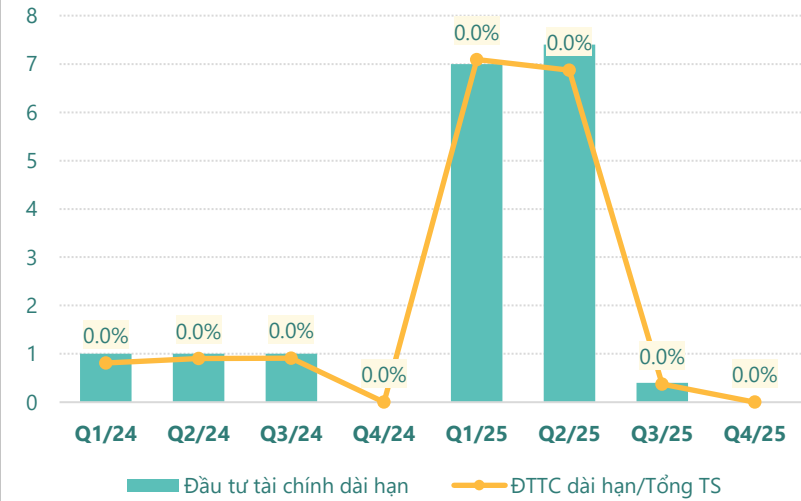
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

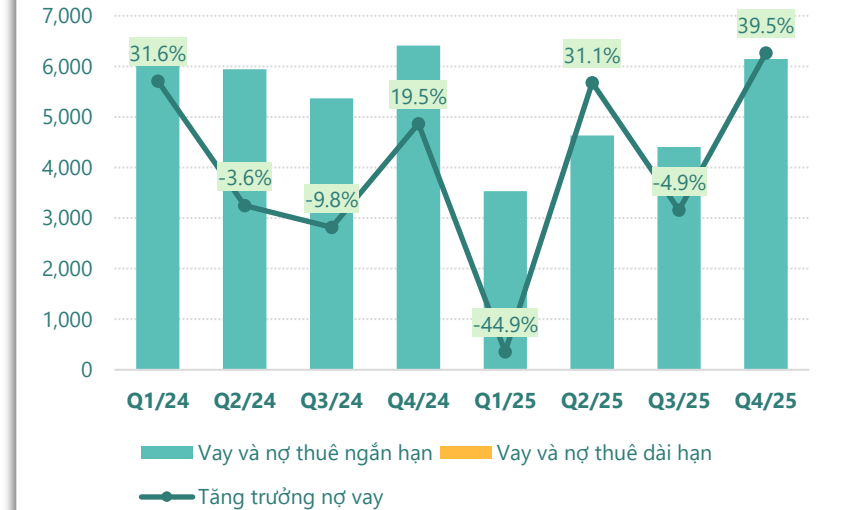
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

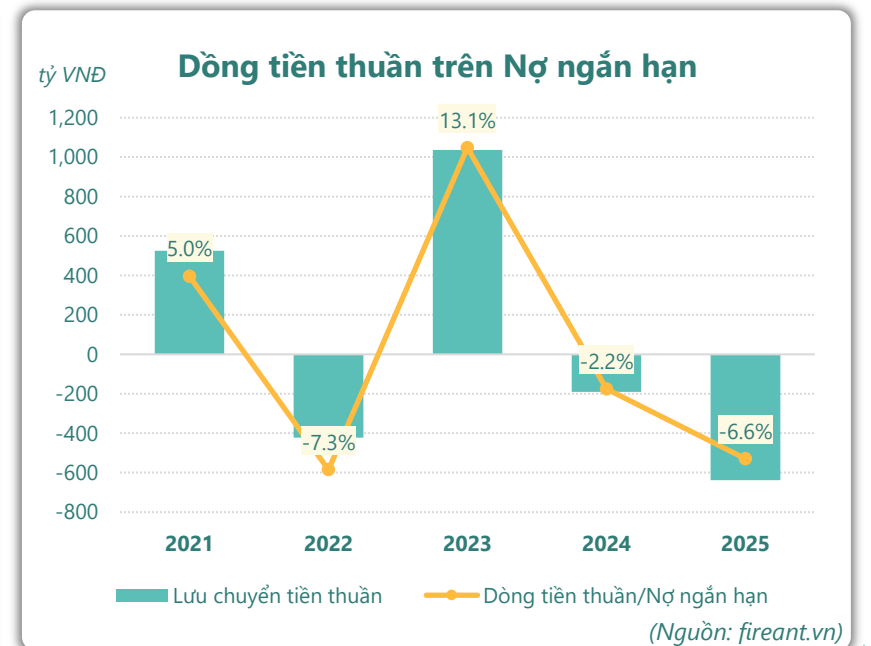
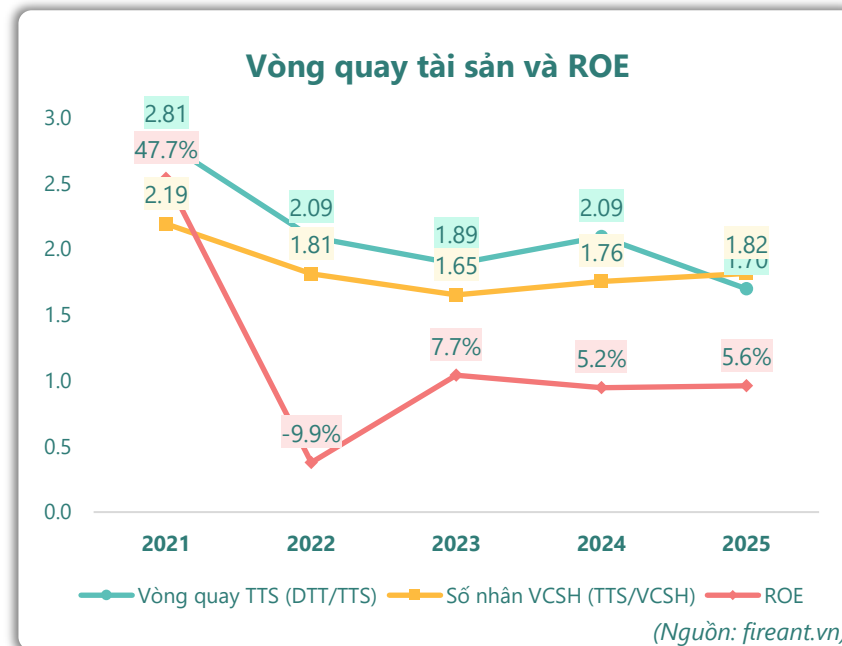
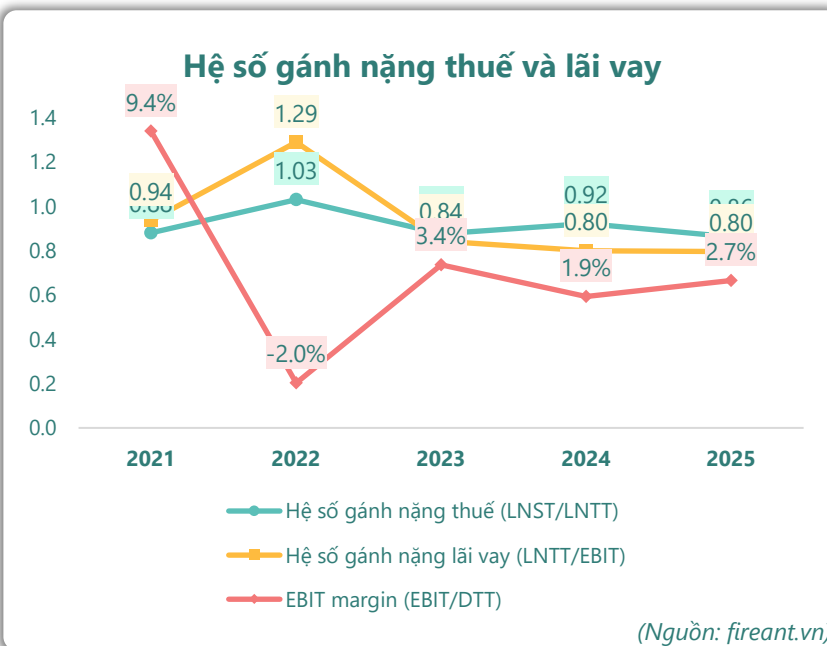
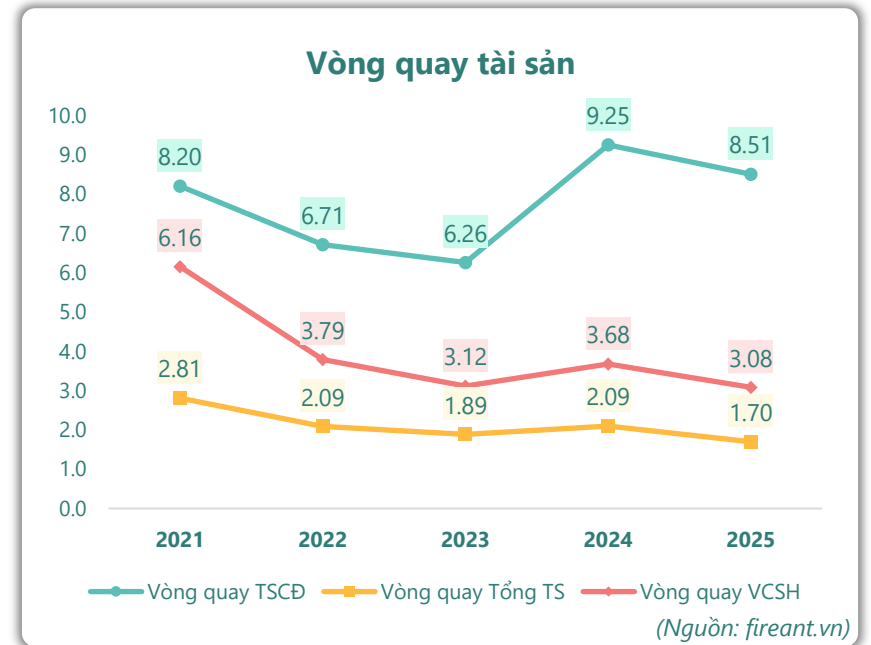
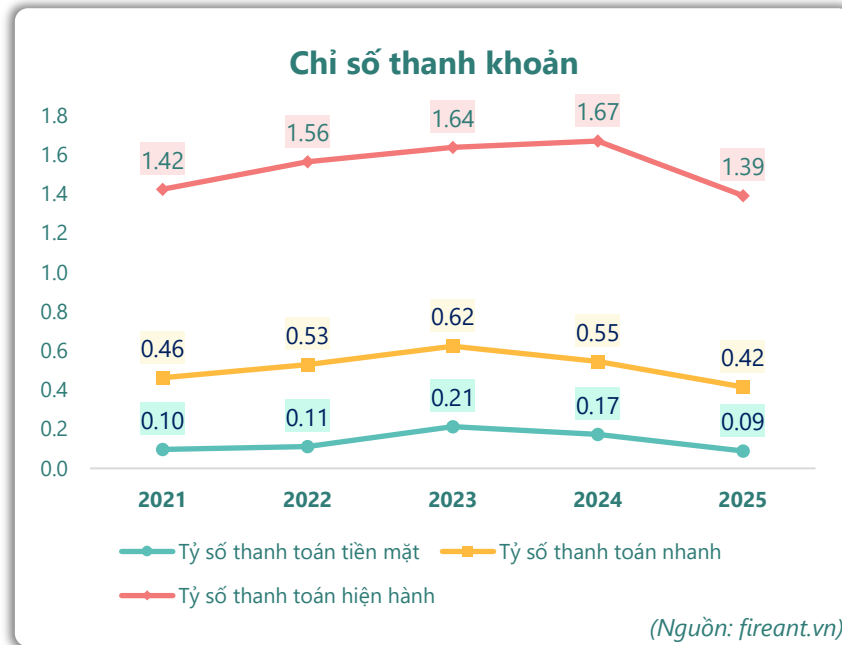
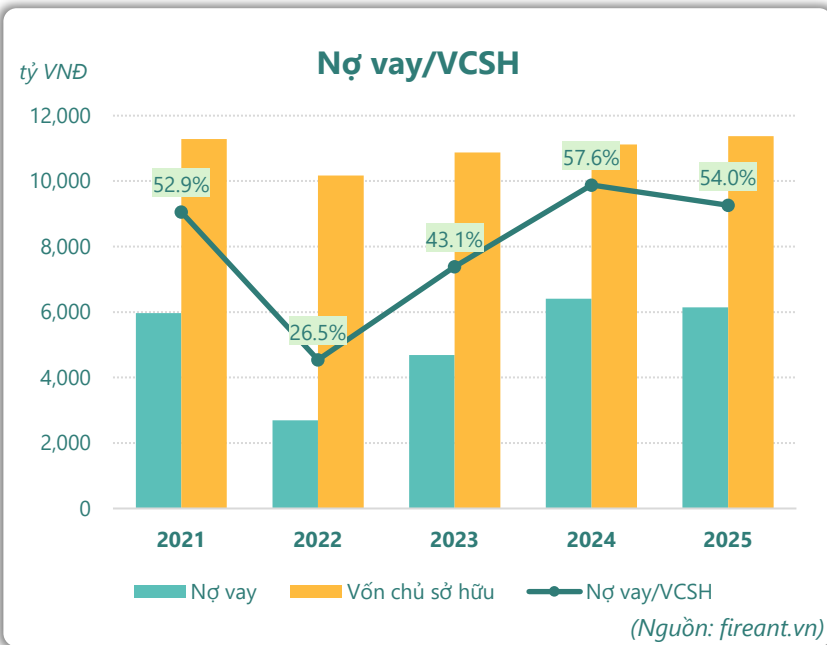
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8,383	10,222	-18.0%	34,699	40,420	-14.2%
Giá vốn hàng bán	7,445	9,016	-17.4%	30,446	35,901	-15.2%
Lợi nhuận gộp	939	1,205	-22.1%	4,253	4,519	-5.9%
Doanh thu HĐTC	39.1	43.4	-9.8%	277	341	-19.0%
Chi phí TC	69.4	75.0	-7.4%	267	280	-4.7%
Chi phí lãi vay	52.2	49.2	6.1%	188	157	19.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	658	849	-22.5%	2,918	3,458	-15.6%
Chi phí QLDN	169	143	18.3%	692	534	29.6%
LN thuần từ HĐKD	81.3	182	-55.4%	653	588	11.0%
Lợi nhuận khác	15.1	6.66	127%	79.8	36.7	118%
LN trước thuế	96.4	189	-49.0%	733	625	17.2%
Lợi nhuận sau thuế	62.4	166	-62.4%	632	577	9.5%
LNST của CĐ cty mẹ	62.4	166	-62.4%	632	577	9.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,331	-20.2	2,078	398	1,229	-958
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-646	-158	-307	-870	-1,281	-351
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-558	1,074	-2,878	788	-227	1,739
Tiền đầu kỳ	473	602	1,497	391	706	428
Lưu chuyển tiền thuần	128	895	-1,107	316	-278	430
Ảnh hưởng tỷ giá	1.66	0	1.03	-1.03	-0.33	0
Tiền cuối kỳ	602	1,497	391	706	428	858

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	21,058	19,800	6.4%
Tài sản ngắn hạn	13,456	14,472	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	858	1,497	-42.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.8	31.3	114%
Phải thu ngắn hạn	2,187	2,360	-7.3%
Hàng tồn kho	9,440	9,749	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	904	835	8.3%
Tài sản dài hạn	7,603	5,328	42.7%
Phải thu dài hạn	1,882	213	782%
Tài sản cố định	4,185	3,971	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,082	719	50.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	453	425	6.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,682	8,680	11.5%
Nợ ngắn hạn	9,665	8,664	11.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,143	6,410	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,399	1,368	75.4%
Nợ dài hạn	17.0	16.3	4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,376	11,120	2.3%
Vốn chủ sở hữu	11,376	11,120	2.3%
Vốn điều lệ	6,210	6,210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

